TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15/7/2022
V/v ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quách Đình Hoằng
2. Bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1990. Địa chỉ: 14 L Q Đ, Tổ 4, phường I K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2- Bị đơn: Chị Phạm Nguyễn Cát T, sinh năm 1998. Địa chỉ: 22 B P Đ P, Tổ 13, phường T S, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2022 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Nguyễn Cát T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn căng thẳng anh và chị T đã sống ly thân, không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài và thực sự trầm trọng, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Nguyễn Cát T, giấy chứng nhận kết hôn bản chính hiện chị T đang giữ nên không cung cấp cho Tòa án được.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Phạm Nguyễn Cát T có một con chung là Lê P, sinh ngày 20/6/2019, con hiện đang ở với anh. Ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh tự thỏa thuận với chị Tường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Tại bản tự khai ngày 26/4/2022, bị đơn là chị Phạm Nguyễn Cát T trình bày:

Chị Phạm Nguyễn Cát T thống nhất như lời trình bày của anh Lê Thanh H về hôn nhân, về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung (Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 81B2 – 63490, Hon da Vario, là tài sản chung chị và anh H, tuy nhiên chị và anh H đã tự thỏa thuận giải quyết xong với nhau). Trong quá trình chung sống với nhau, giữa chị và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn như anh H trình bày, nay anh H yêu cầu ly hôn chị đồng ý vì tình cảm vợ chồng đã thật sự mất hạnh phúc, thời gian anh chị sống ly thân, anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên chị tự nguyện giao anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn vì anh H không có yêu cầu cấp dưỡng nên chị tự thỏa thuận với anh H.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:*

Anh Lê Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con với chị Phạm Nguyễn Cát T theo quy định của pháp luật. Đơn khởi kiện của anh Lê Thanh H được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Chị Phạm Nguyễn Cát T cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:*

Bị đơn chị Phạm Nguyễn Cát T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về hôn nhân: Anh Lê Thanh H và chị Phạm Nguyễn Cát T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I K, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 137 ngày 03 tháng 12 năm 2018. Vì vậy, hôn nhân giữa anh Lê Thanh H và chị Phạm Nguyễn Cát T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Lê Thanh H thì thấy rằng, trong thời gian chung sống giữa anh và chị Phạm Nguyễn Cát T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh và chị T sống ly thân, giữa anh và chị T không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng nhưng anh Lê Thanh H vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Nguyễn Cát T. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Nguyễn Cát T cũng đồng ý ly hôn với anh H, tuy nhiên chị không đến Tòa để tham gia tố tụng.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên anh Lê Thanh H yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Nguyễn Cát T là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân anh Lê Thanh H và chị Phạm Nguyễn Cát T có một con chung là Lê P, sinh ngày 20/6/2019. Hiện nay cháu P đang được anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chị T cũng tự nguyện giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Thanh H, giao con chung cho anh Lê Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng tự lập được.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh Lê Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Lê Thanh H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

[4] *Về án phí*: Anh Lê Thanh H là nguyên đơn, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 94, 144, 146, 147, 207, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24 và các điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh H.

- Về hôn nhân: Anh Lê Thanh H được ly hôn với chị Phạm Nguyễn Cát T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê P, sinh ngày 20/6/2019 cho anh Lê Thanh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Thời gian giao nuôi con từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí: Anh Lê Thanh H phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001600 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh Lê Thanh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS Tp P;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường I K, TP P, tỉnh Gia Lai (Giấy CNKH số 137/2018 đăng ký ngày 03/12/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm